TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-6-2018
V/v: "Xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Đào.

Bà Đinh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Trần Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 451/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Số 171, Ql x, tổ 21, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn B, sinh năm: 1955.

Địa chỉ: Số 171, Ql x, tổ 21, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

(Bà T, ông B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/9/2017, bản tự khai, lời khai tại phiên hòa giải và lời khai tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn B kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Vợ chồng chung sống

hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông B thường xuyên xay xỉn về chửi bới bà, vợ chồng không làm ra tiền dẫn đến thường xuyên tranh cãi, không còn tôn trọng nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn B.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung Nguyễn Văn Quách Trọng T, sinh ngày 29/8/1997 và Nguyễn Thị Sinh Diệu L, sinh ngày 05/5/1999. Các con chung đều đã thành niên, sống với ai tùy các con quyết định, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 30/11/2017, lời khai tại các phiên hòa giải và lời khai tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T chung sống với nhau từ năm 1996, đến năm 1997 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn không trầm trọng, bản thân ông B thừa nhận thỉnh thoảng ông có uống rượu nên vợ chồng có xảy ra tranh cãi. Nay bà T yêu cầu xin ly hôn, ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung Nguyễn Văn Quách Trọng T, sinh ngày 29/8/1997 và Nguyễn Thị Sinh Diệu L, sinh ngày 05/5/1999. Các con chung đều đã thành niên, sống với ai tùy các con quyết định, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Ông Nguyễn B vẫn giữ nguyên yêu cầu tại các buổi làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông B. Về án phí: Bà T phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Vợ chồng bà T, ông B kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà T làm đơn xin ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Xin ly hôn" giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Nguyễn B. Vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T: Bà T và ông B kết hôn năm 1997, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông B thường uống rượu về chửi bới bà, dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, không còn tôn trọng nhau. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn với ông Nguyễn B.

Bị đơn ông Nguyễn B thừa nhận: Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng việc vợ chồng mâu thuẫn không đến mức trầm trọng. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn.

Qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương ngày 18/12/2017 về tình trạng hôn nhân của bà T và ông B được biết: Vợ chồng bà T, ông B sinh sống tại địa phương thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử xác định: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà T, ông B phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của bà T về việc xin ly hôn với ông B là phù hợp thực tế và quy định của pháp luật.

[3] Xét về yêu cầu nuôi con chung: Vợ chồng bà T, ông B có 02 con chung Nguyễn Văn Quách Trọng T, sinh ngày 29/8/1997 và Nguyễn Thị Sinh Diệu L, sinh ngày 05/5/1999. Các con chung đều đã thành niên, sống với ai tùy các con quyết định, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử thấy rằng: 02 con chung của bà T, ông B đều đã thành niên, sống với ai tùy các con quyết định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem để xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà T và ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về án phí: Bà T là nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 205, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn B được ly hôn.

2. Về án phí**:** Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2015/0006916 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để xin Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Ngô Anh Tuấn